

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Jphúc**

Bản án số: 38/2021/HS-ST
Ngày 30/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thu

Bà V Thị L

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án TAND h. H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Ông Dương T Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Văn T, sinh ngày 24/8/1990 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn Â, sinh năm 1968 và bà Lê Thị N, sinh năm 1967; có vợ là Lương Thị Đ, sinh năm 1995 (đã ly hôn); có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2020 đến ngày 10/02/2021. Bị cáo tại ngoại. “Có mặt”

2. Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 16/9/1992 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc U, sinh năm 1962 và bà Đặng Thị A, sinh năm 1964; Có vợ là Lê Thị L, có 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2020 đến ngày 10/02/2021. Bị cáo tại ngoại. “Có mặt”.

* Người làm chứng

1. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1987. “Vắng mặt”

Địa chỉ: thôn L, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

2. Chị Nguyễn Thị I, sinh năm 2000. “Văng mặt”

Địa chỉ: Thôn Ph, xã Q, huyện U, Thanh Hóa

3. Chị Bùi Thị O, sinh năm 1997. “Văng mặt”

Địa chỉ: Thôn M, xã G, huyện B, tỉnh Thanh Hóa

4. Chị Phạm Thị K, sinh năm 2001. “Văng mặt”

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

5. Anh Lê Văn Ê, sinh năm 1997. “Văng mặt”

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

6. Anh Lê Đình V, sinh năm 1987. “Văng mặt”

Địa chỉ: thôn X, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

7. Chị Nguyễn Thị Dg, sinh năm 1994. “Văng mặt”

Địa chỉ: Thôn Th, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

8. Anh Trịnh Văn Z, sinh năm 1989. “Văng mặt”

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội Dg vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 20 phút ngày 28/11/2020, Nguyễn Văn Ch nhắn tin qua điện thoại rủ Trịnh Văn T đi hát và sử dụng “kẹo” (ma túy tổng hợp), T đồng ý. Ch nhắn tin nói rủ thêm D đi hát. T đi nhờ xe đến nhà Ch, Ch bảo T đi mua “kẹo”, còn Ch bỏ đi cắt tóc. Sau đó Ch gọi điện cho T hỏi có tiền chưa, T bảo chưa có, Ch bảo T vay tạm 01 triệu rồi sau lấy tiền của Ch trả. T vay của Ê (bạn T) đang chơi bi-a tại quán nhà Ch số tiền 01 triệu đồng. Ê không biết T vay tiền làm gì. T mượn xe Exciter màu đen không biển kiểm soát của Ê đi gặp người đàn ông tên NH, hỏi nhờ mua 04 viên “kẹo”, NH nói giá 500.000 đồng/viên. T chở NH đến quán cắt tóc để lấy của Ch 01 triệu và đưa tổng 02 triệu cho NH, đồng thời đưa xe máy của Ê cho NH đi mua hộ ma túy. Khoảng 30 phút sau NH gọi cho T báo là đã mua được ma túy nên Ch điều khiển xe mô tô Honda Vision màu đen biển số 36B6-171.61 (xe của chị Lê Thị L, vợ Ch) chở T đến quán karaoke Thái Sơn. Trên đường đi, cả hai gặp NH, NH đưa 01 túi nilon kích thước 4x6 cm, bên trong chứa 04 viên “kẹo”. Đến quán Thái Sơn (xã X, huyện H), Ch đặt phòng hát và nhờ quán gọi 04 nhân viên phục vụ, T gọi điện rủ D và Thiện ra hát. Khoảng 05 phút sau, D, Ê và 04 nhân viên phục vụ là Phạm Thị K, Nguyễn Thị I, Bùi Thị O và Jnhưng do cả nhóm không ưng Jnên yêu cầu nhân viên này ra ngoài. T đưa cho D, Ê, I, O mỗi người ½ viên “kẹo” và đưa cho Ch 01 viên, Ch bẻ đôi chia cho K ½ viên. Tất cả cùng sử dụng

“keo” và đang nhảy nhót theo nhạc trong phòng thì đến 14 giờ 20 phút cùng ngày bị Tổ cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy phối hợp với Đội quản lý hành chính Công an huyện H và Công an xã X kiểm tra phát hiện.

Tang vật chứng và đồ vật đã thu giữ:

Thu giữ của Trịnh Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9 màu xanh, số tiền 6.680.000 đồng và 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream màu nâu biển số 29K5-5100; thu giữ của Nguyễn Văn Ch 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu đen đỏ biển số 36B6-171.61 đã qua sử dụng, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu đen và số tiền 380.000 đồng; thu giữ của Lê Văn Ê 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng vỡ màn hình đã cũ và số tiền 280.000 đồng; thu giữ của Nguyễn Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy A7 màu vàng đã cũ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen đã cũ và số tiền 1.670.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã T hành test nước tiểu và thu mẫu nước tiểu của các đối tượng có kết quả như sau:

Trịnh Văn T, Nguyễn Văn Ch, Lê Văn Ê, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị I, Phạm Thị K, Bùi Thị O đều dương tính với MET; MDMA.

Tại Bản kết luận giám định số 8676/C09-TT2 ngày 09/12/2020 của Viện KO học hình sự Bộ Công an kết luận: Tìm thấy chất ma túy MDMA trong 07 mẫu nước tiểu gửi giám định.

Qua xác minh tại địa phương nơi các đối tượng cư trú xác định: Trịnh Văn T, Nguyễn Văn Ch, Lê Văn Ê, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị I, Phạm Thị K và Bùi Thị O đều không phải người nghiện ma túy, không có hồ sơ quản lý người nghiện, phù hợp với các tài liệu khác L quan.

Đối tượng Nh đã mua ma túy hộ các bị cáo là Vũ Sỹ NH, sinh năm 1999 ở xã X, huyện H nhưng qua xác minh đối tượng này không có mặt tại địa phương, nếu chỉ căn cứ vào lời khai của Trịnh Văn T chưa có cơ sở để xử lý. Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau.

Quản lý quán Karaoke Thái Sơn là chị Nguyễn Thị Dg không biết và không tham gia hoạt động tổ chức sử dụng ma túy tại phòng hát nhưng là người trực tiếp quản lý đã để các đối tượng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực mình quản lý. Vì vậy Công an huyện H đã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H xử phạt vi phạm hành chính đối với chị Dg.

Đối với nhân viên tên J vào phòng nhưng ra trước, quá trình điều tra các nhân viên

khác không quen biết J, không biết Jở đâu, chị Dg đã gọi người đưa nhân viên đến nhưng không nhớ đã gọi cho ai nên không xác định được nhân viên tên J này.

Các đối tượng sử dụng ma túy gồm Lê Văn Ê, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị I, Phạm Thị K, Bùi Thị O tự nguyện sử dụng, không bị ép buộc, Công an huyện H đã xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng này.

Vật chứng: Chiếc xe máy Exciter màu đen không biển kiểm soát là của T mượn của Ê đưa cho đối tượng NH đi mua ma túy. Ê khai là mượn của một người bạn mới quen biết không rõ tên tuổi địa chỉ và sau đó đã trả xe cho người đàn ông này nên không thu giữ được.

Chiếc xe máy hiệu Honda Vision màu nâu biển số 36B6-171.61 là của chị Lê Thị L cho Ch mượn. Chị L không biết Ch sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại cho chủ sở hữu.

Chiếc xe máy hiệu Honda Dream màu nâu biển số 29K5-5100, không có số khung, số máy nên chưa xác định chủ sở hữu. T khai mua của người bán sắt vụn để chế thành xe kéo nên không có giấy tờ xe nên giữ lại kho vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện H để tiếp tục xác minh chủ sở hữu.

01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng vỡ màn hình đã cũ và số tiền 280.000 đồng trả lại cho Lê Văn Ê; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy A7 màu vàng đã cũ, 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen đã cũ và số tiền 1.670.000 đồng trả lại cho Nguyễn Văn D.

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9 màu xanh, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu đen và số tiền 7.080.000 đồng chuyển chi cục Thi hành án dân sự chờ xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trịnh Văn T và Nguyễn Văn Ch đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nêu trên, phù hợp với tài liệu chứng cứ và lời khai của người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 30/CT-VKSHH ngày 11/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo Trịnh Văn T và Nguyễn Văn Ch về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T mức hình phạt từ 48 tháng đến 54 tháng tù, trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch mức hình phạt từ 48 tháng đến 54 tháng tù, trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều không có công việc ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

Tịch thu thanh lý sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9 màu xanh của Trịnh Văn T, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu đen của Nguyễn Văn Ch là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 680.000 đồng thu giữ của T và số tiền 380.000 đồng thu giữ của Ch, tổng cộng là 1.060.000 đồng (Một triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng) là tiền dùng vào việc phạm tội.

Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn T số tiền 6.000.000 đồng do không L quan đến việc phạm tội.

Tất cả vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục THA DS huyện H.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo có ý kiến: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo đã rất ăn năn hối hận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội Dg vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vụ án được đưa ra xét xử ngày 22/6/2021, nhưng tại phiên tòa vắng mặt bị cáo Nguyễn Văn Ch có lý do chính đáng và có đơn đề nghị hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về dấu hiệu định tội:

Chỉ vì chơi bời, đua đòi mà các bị cáo Trịnh Văn T và Nguyễn Văn Ch đã bàn nhau mua ma túy ra quán hát sử dụng và cho người khác cùng sử dụng. Ch giao cho T đi mua, nói T vay tiền và Ch cũng đưa tiền cho T. T đưa số tiền 2.000.000 đồng (trong đó 1.000.000 đồng T vay của Ê 1.000.000 đồng của Ch đưa) cho NH để nhờ mua 04 viên “keo”, Ê không biết T vay tiền là để nhằm mua ma túy. Khi nghe điện thoại NH báo đã mua được ma túy, Ch dùng xe máy Honda Vision (của chị L) để chở T đến quán hát Thái Sơn, trên đường đi gặp và lấy ma túy NH đưa. Vào quán hát, Ch đặt phòng và nhờ gọi nhân viên phục vụ, T gọi điện rủ D và Ê đến quán hát. T lấy “keo” chia cho Ê, D, I, O mỗi người ½ viên, đưa cho Ch 1 viên. Ch bẻ đôi viên “keo” và đưa cho K ½ viên, còn Ch sử dụng ½ viên. T sử dụng 1 viên.

Như vậy, các bị cáo Trịnh Văn T và Nguyễn Văn Ch đã có hành vi tổ chức đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể của nhau và vào cơ thể Ê, D, I, O, K dù các đối tượng này đều tự nguyện sử dụng. Dù các bị cáo có sự bàn bạc trước về việc cùng nhau mua ma túy về sử dụng, tuy nhiên việc đưa ma túy cho người khác sử dụng thì chỉ bột phát, không nằm trong kế hoạch dự liệu của các bị cáo. Việc phạm tội của các bị cáo không có kế hoạch cụ thể, không có chuẩn bị chu đáo đầy đủ về mọi mặt mà chỉ xuất phát từ việc chơi bời đua đòi. Hành vi của bị cáo Trịnh Văn T và Nguyễn Văn Ch đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về việc sử dụng chất ma túy vào mục đích chữa bệnh. Chỉ vì ham chơi, đua đòi mà các bị cáo đã thực hiện hiện hành vi tổ chức sử dụng chất ma túy, đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể nhiều người. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội cần phải được nghiêm trị.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trịnh Văn T và Nguyễn Văn Ch đều thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã giúp cơ quan chức năng trong việc phòng chống và phát hiện tội phạm, thể hiện các bị cáo rất ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Ch có

ông nội là Nguyễn Đăng Thâu là Liệt sỹ, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính; Bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, thuộc gia đình thờ cúng liệt sỹ là bác của bị cáo tên Trịnh Văn Tấn. Vì vậy các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trong hồ sơ vụ án, có đơn xin đầu thú của các bị cáo và biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú. Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo bị Cơ quan điều tra Công an huyện H phát hiện ngay khi đang thực hiện hành vi phạm tội và các bị cáo được đưa ngay về Ban Công an xã thử nước tiểu có kết quả, tại đây viết đơn xin đầu thú. Do đó không thể coi đây là việc trình diện để khai báo toàn bộ hành vi phạm tội nên các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “đầu thú” theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, hành động trên của các bị cáo cũng thể hiện rõ việc các bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tích cực khai nhận giúp cho cơ quan điều tra nhanh chóng tìm ra sự thật.

[5] Trong vụ án, các bị cáo phạm tội là thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bột phát, không có sự bàn bạc, không có phân công vai trò từ trước. Không nghiện ma túy, nhưng xuất phát từ việc đua đòi, chơi bời, các bị cáo cùng rủ nhau mua ma túy dạng thuốc lắc về sử dụng, đồng thời đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể nhau và đưa vào cơ thể các đối tượng Lê Văn Ê, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị I, Phạm Thị K, Bùi Thị O. Quá trình chuẩn bị ma túy để tổ chức sử dụng, Ch là người rủ T đi hát và mua ma túy sử dụng, góp tiền cùng mua, là người trực tiếp cầm ma túy bẻ đưa cho K. T là người thực hành tích cực trong việc đi mua ma túy, sau khi nhận 01 viên ma túy từ tay Ch đã bẻ ra đưa cho Ê, D, I, O mỗi người 1/2 viên, cùng nhau sử dụng. Do đó, xác định hai bị cáo có vai trò ngang nhau và chịu mức hình phạt tương đương nhau.

Tuy nhiên khi xem xét quyết định hình phạt, ngoài tính chất mức độ của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử còn cân nhắc trên cơ sở nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Trịnh Văn T và Nguyễn Văn Ch trước thời điểm phạm tội chưa có hành vi vi phạm, chấp hành tốt các quy định của địa phương, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực giúp Cơ quan CSĐT Công an huyện Thạch Thành trong việc phát hiện và phòng chống tội phạm; Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo T và bị cáo Ch đủ điều kiện được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự, trừ thời gian các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

Đối với Lê Văn Ê, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị I, Phạm Thị K, Bùi Thị O có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, cơ quan Công an huyện H đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chủ quán Karaoke là chị Nguyễn Thị Dg cho các đối tượng thuê phòng hát, lơi lỏng trong quá trình quản lý để các đối tượng lợi dụng sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người đàn ông mua ma túy hộ các bị cáo là NH, quá trình điều tra xác định tại địa phương có người tên Vũ Sỹ NH, sinh năm 1999 ở xã X, H nhưng đối tượng này không có tại địa phương tại thời điểm điều tra nên chưa làm việc được, mặt khác chỉ căn cứ lời khai của T nên chưa đủ cơ sở để xử lý nên không xem xét.

Chiếc xe máy Exciter màu đen không biển kiểm soát là của T mượn của Thiện đưa cho đối tượng NH đi mua ma túy. Ê khai là mượn của một người bạn mới quen biết không rõ tên tuổi địa chỉ và sau đó đã trả xe cho người đàn ông này nên không thu giữ được. Không có cơ sở để xem xét.

Chiếc xe máy hiệu Honda Vision màu nâu biển số 36B6-171.61 là của chị Lê Thị L cho Ch mượn. Chị L không biết Ch sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại cho chủ sở hữu. Hội đồng xét xử không xem xét.

Chiếc xe máy hiệu Honda Dream màu nâu biển số 29K5-5100, không có số khung, số máy nên chưa xác định chủ sở hữu, đây không phải là phương tiện phạm tội trong vụ án này. T khai mua của người bán sắt vụn để chế thành xe kéo nên không có giấy tờ xe nên giữ lại kho vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện H để tiếp tục xác minh chủ sở hữu. Khi nào có đủ cơ sở sẽ xử lý sau, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng vỡ màn hình đã cũ và số tiền 280.000 đồng thu giữ của Lê Văn Ê; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy A7 màu vàng đã cũ, 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen đã cũ và số tiền 1.670.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn D. Quá trình điều tra xác định không L quan đến việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu thanh lý sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9 màu xanh của Trịnh Văn T, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu đen của Nguyễn Văn Ch là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Đối với số tiền thu giữ của bị cáo T là 6.680.000 đồng, anh trai bị cáo là Trịnh Văn

Z và bị cáo T đều khai nhận có 6.000.000 đồng là tiền anh Z đưa cho T đi trả tiền nợ do mua máy giặt nên không L quan đến việc phạm tội, trả lại cho bị cáo T. Số tiền còn lại của bị cáo T là 680.000 đồng và số tiền 380.000 đồng của bị cáo Ch, các bị cáo định dùng để trả tiền hát karaoke và tiền nhân viên là tiền dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước

Tất cả vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục THA DS huyện H.

[8] *Về án phí*: Vì các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

2. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Trịnh Văn T và Nguyễn Văn Ch phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

3. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 04 (Bốn) năm 02 (Hai) tháng tù, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2020 đến ngày 10/02/2021 vào thời gian chấp hành hình phạt tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch. 04 (Bốn) năm 02 (Hai) tháng tù, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2020 đến ngày 10/02/2021 vào thời gian chấp hành hình phạt tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu thanh lý sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A9 màu xanh, đã qua sử dụng của Trịnh Văn T, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn Ch.

Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn T số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 680.000 đồng (Sáu trăm tám mươi nghìn đồng) thu giữ của T và số tiền 380.000 đồng (Ba trăm tám mươi nghìn đồng) thu giữ của Ch, tổng cộng là 1.060.000 đồng (Một triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tất cả vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục THA DS huyện H theo biên bản giao nhận vật chứng số 44/BBGN ngày 18 tháng 6 năm 2021.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình; Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trịnh Văn T và Nguyễn Văn Ch mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND h.H;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS h.H;
- CQĐT Công an h.H;
- CQTHAHS Công an h. H;
- Trại TG Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- UBND xã X, h. H;
- UBND xã C, h. H;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Thư Trịnh Thị Loan

Lê Thị Ngọc Tú

